

# Về bảo tồn nghề thủ công truyền thống của các tộc người ở Việt Nam hiện nay

Phạm Minh Phúc<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Tôn trọng đa dạng văn hóa, bảo vệ bản sắc văn hóa là quan điểm của UNESCO và hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay. Việt Nam là quốc gia đa tộc người, đa văn hóa, với di sản nghề thủ công truyền thống của các tộc người. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (1998), nhà nước đã thể chế hóa chủ trương bằng nhiều văn bản mang tính pháp quy; nhiều ngành khoa học xã hội đã tập trung nghiên cứu nhằm nhận diện và đề ra các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của nghề thủ công truyền thống. Mặc dù vậy, cho đến nay, vẫn tồn tại những ý kiến, quan điểm khác nhau về việc bảo tồn nghề nào, bằng cách nào. Hơn nữa trên thực tế, hiệu quả bảo tồn các nghề thủ công truyền thống vẫn còn khiêm tốn. Từ việc tổng quan các tài liệu có liên quan, từ kinh nghiệm nghiên cứu và tham gia thực hiện một số dự án bảo tồn nghề thủ công truyền thống, tác giả bài viết nêu một số ý kiến về quan điểm, giải pháp bảo tồn nghề thủ công truyền thống của các tộc người ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Tộc người, Nghề thủ công, Truyền thống, Bảo tồn

## I. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay, để hòa nhập, phát triển mà không bị hòa tan, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tuân thủ định hướng tôn trọng sự đa dạng văn hóa, bảo vệ và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc làm nền tảng tinh thần và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 khóa VIII, khi bàn về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Di sản văn hóa là

tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian) văn hóa cách mạng bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998: 63).

Theo “Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể” được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) thông qua tại phiên họp thứ 32, từ ngày 29/9 đến 17/10/2003, tại Paris, thì nghề thủ công truyền thống chính là một dạng thức văn hóa phi vật thể (Xem: Điểm e Khoản 2 Điều 2 Công ước về bảo

---

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: phucvme@gmail.com.

vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (UNESCO, 2003)). Và vấn đề bảo tồn nghề thủ công cũng đã được xác định là một trong những nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 của Việt Nam, đó là: “Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể; các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian của từng địa phương, từng vùng văn hóa, từng vùng dân tộc; nghề thủ công truyền thống, lễ hội tiêu biểu, kho tàng Hán Nôm. Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững” (Xem: Điểm c Mục 3 Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

Trên thực tế, không phải đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020, mà kể từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn đã tập trung nghiên cứu các loại hình di sản văn hóa, trong đó có nghề thủ công truyền thống của các dân tộc để phát huy các giá trị, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, trong việc nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, nghề thủ công các dân tộc nói riêng còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Nội dung bài viết góp bàn về việc làm thế nào để có thể bảo tồn hiệu quả các nghề thủ công truyền thống, nhất là thủ công nghiệp truyền thống của các tộc người ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Vai trò của nghề thủ công truyền thống

Không chỉ đa dạng về điều kiện địa lý, tự nhiên và dân cư, Việt Nam còn là quốc gia đa dạng về các sắc thái văn hóa tộc người, cả trong lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó có nghề thủ công truyền thống. Trong 54 tộc người ở nước ta, không có tộc người nào không có nghề thủ công; mà thủ công nghiệp truyền thống trong bản thân mỗi dân tộc cũng đa dạng, với quy mô, trình độ không giống nhau, phản ánh tư duy sáng tạo, thẩm mỹ... khác nhau. Trong đó, phổ biến ở hầu khắp các dân tộc và tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn là các nghề: dệt vải, dệt thổ cẩm, đan lát, rèn, đúc, làm gốm, chế tác đồ gỗ, làm giấy.v.v... Từ sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), cùng với việc chuyển dịch dần từ nền kinh tế bao cấp sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam từng bước thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Rõ ràng, điều này khó có thể thực hiện được ở khu vực nông thôn, nơi chiếm khoảng 65% dân số và hơn 66% lao động trong cả nước<sup>(\*)</sup>, chưa xóa được tình trạng thuần nông, chưa hoàn toàn thoát khỏi đói nghèo, và chưa tạo ra nhiều công ăn việc làm cho lực lượng lao động dư thừa hiện nay. Theo suy nghĩ của chúng tôi, nếu bảo tồn và phát triển được các ngành nghề thủ công truyền thống, thì không những có thể đáp

(\*) “Dân số trung bình năm 2017 của cả nước ước tính 93,7 triệu người, bao gồm dân số thành thị 32,9 triệu người, chiếm 35,1%; dân số nông thôn 60,8 triệu người, chiếm 64,9%; Lực lượng lao động trong độ tuổi tại thời điểm 1/7/2017 ước tính 47,9 triệu người, trong đó lao động khu vực thành thị là 16,0 triệu người, chiếm 33,4%; lao động khu vực nông thôn là 31,9 triệu người, chiếm 66,6%” (Tổng cục Thống kê, 2017).

ứng được nhiệm vụ này, mà còn là động lực thúc đẩy thực hiện tốt phân công lao động, tạo tiền đề cho công nghiệp và dịch vụ phát triển. Lý do là, nghề thủ công truyền thống đã và đang tạo ra một khối lượng hàng hóa đa dạng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng nội bộ của các tộc người và trao đổi với các tộc người láng giềng, nhiều nghề còn gắn với phát triển dịch vụ du lịch, góp phần phục vụ xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài. Vì vậy, bảo tồn được nghề thủ công truyền thống là biện pháp hữu hiệu để góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống dân cư, gia tăng tích lũy, chuẩn bị đội ngũ lao động có khả năng thích ứng với lĩnh vực công nghiệp và góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của các tộc người, phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tất nhiên, thuật ngữ “bảo tồn” ở đây, cần phải hiểu với nghĩa là “bảo tồn động”, tức là bảo tồn những giá trị của nghề thủ công trong cuộc sống đương đại như một dòng chảy liên tục trong môi trường sản sinh, tích hợp và duy trì nó bởi chính chủ thể văn hóa, khác với “bảo tồn tĩnh” bằng cách ghi chép mô tả, ghi âm, ghi hình bởi các nhà nghiên cứu - sưu tầm, hay lưu giữ, trưng bày, triển lãm trong các bảo tàng.

“Đối với các dân tộc ở nước ta, trong cơ cấu kinh tế truyền thống, ngoài nông nghiệp - ngành sản xuất chính, thủ công nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống và cả trong văn hóa tộc người” (Lâm Bá Nam, 1999: 70). Hiện tại, có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống tiếp tục duy trì, thậm chí có vai trò to lớn trong sản xuất và đời sống của nhân dân, như các nghề dệt lụa, gò đồng, chế tác đồ gỗ, điêu khắc, thủ công mỹ nghệ.v.v...

### 3. Quan điểm, giải pháp bảo tồn nghề thủ công truyền thống

Nghề thủ công truyền thống của các tộc người có vai trò quan trọng như vậy, nhưng làm thế nào để bảo tồn lại là vấn đề không giản đơn.

Theo chúng tôi, để có cơ sở thực hiện công tác bảo tồn, trước tiên cần phải đánh giá đúng tầm quan trọng và vị trí của từng nghề thủ công truyền thống trong đời sống kinh tế-xã hội của các tộc người ở nước ta hiện nay, từ đó đề ra những chiến lược bảo tồn thích hợp với từng ngành nghề. Vì như đã nói, nghề thủ công truyền thống của các tộc người rất phong phú đa dạng, quy mô, trình độ phát triển, cũng như vai trò, vị trí của mỗi nghề trong đời sống mỗi tộc người không giống nhau, cho nên không thể áp dụng theo một mô thức bảo tồn phổ biến duy nhất nào. Một mô thức bảo tồn khi áp dụng cho một ngành nghề cụ thể của một tộc người, ở một địa phương nào đó có thể sẽ rất thành công. Nhưng khi nó đã được biến thành điển hình và được áp dụng phổ biến cho các ngành nghề khác, ở một địa phương khác, tộc người khác thì chưa chắc đã phù hợp, nhiều khi trở thành khiên cưỡng, thậm chí phản tác dụng. Do vậy, chúng tôi tán đồng quan điểm của nhà Kinh tế học Dương Bá Phụng khi ông nêu lên một trong những quan điểm cơ bản về phương hướng bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn là: “Bảo tồn phải trên quan điểm đánh giá đúng vai trò và vị trí mới của các làng nghề trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (Dương Bá Phụng, 2001: 70). Chúng tôi cho rằng, quan điểm bảo tồn làng nghề của ông cũng không khác bảo tồn các ngành nghề thủ công truyền thống. Điều này cũng giống

như quan điểm của nhà Dân tộc học Lâm Bá Nam, rằng: “Phải xem xét nghiên cứu các nghề thủ công cổ truyền với tư cách là một ngành sản xuất, đồng thời là hoạt động văn hóa và phải đặt nó trong quá trình phát triển của các tộc người, trong môi trường cảnh quan tộc người... Mặt khác cũng phải xác lập và đặt nó trong hiện tại, tức là trong chặng đường đầu của thời kỳ công nghiệp hóa nước nhà để thấy rõ vai trò vị trí, tầm quan trọng của thủ công nghiệp trong việc tổ chức thực hiện ba chương trình kinh tế, trong đó có nhu cầu về hàng tiêu dùng và xuất khẩu mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra” (Lâm Bá Nam, 1989: 75).

Vì vậy, trên quan điểm bảo tồn phải gắn với phát triển, chúng ta không coi tất cả những gì thuộc về truyền thống, trong đó có nghề thủ công truyền thống, là lạc hậu, nhưng cũng không nên lạm dụng khẩu hiệu “bảo tồn và phát huy bản sắc” một cách sáo rỗng, không gắn liền với cuộc sống, thậm chí nhiều khi còn không hiểu bản sắc là cái gì, hoặc hiểu theo một cách rất giản đơn, coi đó là những gì thuộc về truyền thống.

Vậy, những ngành nghề thủ công truyền thống nào cần bảo tồn? Theo quan điểm của chúng tôi, phải là những nghề còn phát huy được ít nhiều giá trị trong cuộc sống đương đại. Đó là những nghề mà sản phẩm của nó, dù được làm theo mẫu mã, công nghệ cũ, hay mẫu mã mới trên cơ sở cải tiến công nghệ truyền thống, nhưng đáp ứng, thỏa mãn được nhu cầu sử dụng, thưởng thức văn hóa của chính chủ thể làm ra nó và được thị trường chấp nhận. Đối với những ngành nghề mà mẫu mã, giá trị sử dụng của sản phẩm không còn phù hợp với đời sống hiện đại nữa, chúng ta không cần thiết phải đầu tư khôi phục nữa, mà nên chăng chỉ là sưu tầm tư liệu, hiện vật để lưu giữ, trưng bày trong các

bảo tàng nhằm giáo dục giá trị văn hóa lịch sử và phục vụ nhu cầu tham quan, du lịch của nhân dân. Chẳng hạn như, ở làng Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, theo những người già kể lại, cách đây vài chục năm, nghề làm quạt giấy để bán cho nông dân quạt thóc còn rất phát triển. Nhưng từ khi xuất hiện loại quạt máy, mà ban đầu chỉ là quạt đập chân gắn vào đầu quả lô tuốt lúa, rồi đến quạt máy chạy bằng mô-tơ điện, tiếp đó là quạt điện vừa nhiều vừa rẻ trên thị trường, nay không ai còn dùng quạt giấy để quạt thóc nữa, vì vậy nghề làm quạt giấy bị mai một. Đó cũng là xu hướng tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển. Do vậy, chúng ta không cần phải khôi phục nghề này, có chăng chỉ là ghi chép tư liệu, lưu giữ, giới thiệu trong bảo tàng như đã đề cập.

Bên cạnh đó, cũng còn nhiều ngành nghề thủ công truyền thống nhờ cải tiến mẫu mã, hiện đại hóa công nghệ truyền thống, làm giảm các chi phí đầu vào, sản phẩm hiện nay đã trở thành hàng hóa, đã tạo dựng được chỗ đứng trên thị trường như gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), gốm Châm Bàu Trúc (Ninh Thuận), thổ cẩm của người Chăm Hồi giáo (An Giang), Chăm Bà la môn Mỹ Nghiệp (Ninh Thuận), của người Hmông ở Lũng Tán (Hà Giang), dệt lụa Vạn Phúc, khám trai Chuyên Mỹ, mây tre đan Phú Vinh (Hà Nội).v.v... Với những nghề này, chúng tôi cho rằng, không cần bàn nhiều đến giải pháp bảo tồn nữa, mà nên có chính sách ưu đãi nguồn vốn, hỗ trợ từ nhà nước để người sản xuất có điều kiện mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, để các ngành nghề đó đứng vững và phát huy tốt giá trị của nó trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Những nghề thủ công truyền thống cần bảo tồn cấp bách, theo chúng tôi, chính là

những nghề mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một vì nhiều nguyên nhân, có thể là do thiếu nguồn nguyên liệu, sự cạnh tranh của các mặt hàng công nghiệp, nghề nhân hiếm dần..., trong khi sự phục hồi của nó không những giữ gìn được những giá trị văn hóa truyền thống liên quan đến nghề, mà còn giúp chủ thể của nó giữ được nghề, sống được với nghề và phát triển nó lên tầm cao mới. Chẳng hạn, nghề dệt vải, dệt thổ cẩm, nghề làm gốm, làm giấy... ở nhiều dân tộc, nếu cải tiến được mẫu mã, nâng cao độ tinh xảo và chất lượng sản phẩm thì hoàn toàn có thể đưa ra thị trường, đặc biệt là các thị trường gắn với hoạt động du lịch. Theo nhà Dân tộc học, Văn hóa học Ngô Đức Thịnh: Mặt hàng thủ công dân tộc không chỉ là sản phẩm kinh tế thuần túy, mà còn là sản phẩm văn hóa. Do vậy, thị trường hàng thủ công không chỉ xét về phương diện tiêu dùng, mà còn phải xét trên phương diện thị hiếu văn hóa. Mỗi dân tộc thường có nhu cầu đổi mới, cải tiến mặt hàng, nhưng với dân tộc khác và nước khác, nhất là các nước phương Tây thì họ lại ưa thích những cái gì “nguyên chất” của dân tộc làm ra mặt hàng ấy (Ngô Đức Thịnh, 1989). Thành công của việc đổi mới mẫu mã sản phẩm dệt, thêu nhưng vẫn dựa trên mẫu mã hoa văn truyền thống, hoặc sáng tạo ra những mẫu mã, hoa văn mới nhưng vẫn dựa vào công nghệ truyền thống của các tộc người Hmông, Dao ở Sapa (Lào Cai), người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình), người Chăm ở Mỹ Nghiệp (Ninh Thuận)... là những kinh nghiệm quý cho việc bảo tồn nghề thủ công truyền thống ở các dân tộc khác.

Nhân đây, chúng tôi xin dẫn một ví dụ để thảo luận. Năm 2003, chúng tôi được giao nhiệm vụ thực hiện một dự án do Cơ

quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, nhằm góp phần khôi phục, bảo tồn nghề dệt, nhuộm thổ cẩm đang trong tình trạng mai một của người Lào ở bản Na Sang 2, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay là Điện Biên) bằng phương pháp Photovoice. Theo đó, chúng tôi đã tập huấn, hướng dẫn và trao máy ảnh cho chính những chủ nhân nghề dệt thổ cẩm nơi đây, để họ ghi lại tất cả những câu chuyện liên quan đến nghề, từ nguyên liệu, kỹ thuật dệt, nhuộm, thêu, hoa văn.v.v... Với sự trân trọng của chúng tôi đối với nghề, thông qua các cuộc thảo luận giữa thợ thủ công với chúng tôi về nhiều nội dung liên quan đến nghề, thông qua các cuộc triển lãm ảnh ở ngay trong bản Na Sang 2 và ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, thông qua sự giao lưu của thợ thủ công với khách tham quan Bảo tàng..., những người thợ thủ công dân tộc Lào nhận thức rõ được giá trị của nghề dệt thổ cẩm, của những hoa văn, màu nhuộm truyền thống họ đang nắm giữ. Cần nhấn mạnh rằng, bản Na Sang 2 trước đó chưa từng được một công ty du lịch nào để mắt tới, cũng như chưa bao giờ được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh xem là điểm có thể phát triển nghề dệt, không có nhiều đoàn khách du lịch từ thành phố Điện Biên lên tham quan và mua những sản phẩm được làm bằng nguyên liệu với hoa văn, cách thức nhuộm màu truyền thống. Nhưng sau cuộc triển lãm này 2 năm, được sự giúp đỡ của tổ chức Craft link<sup>(\*)</sup>,

<sup>(\*)</sup> Craft Link là một tổ chức phi lợi nhuận và công bằng thương mại, hoạt động với mục đích hỗ trợ các nhóm dân tộc thiểu số, các nhóm khuyết tật và các nhóm làng nghề truyền thống trong việc khôi phục truyền thống văn hóa, phát triển sản xuất hàng thủ công và tăng thêm thu nhập cho cộng đồng (Xem: <http://www.craftlink.com.vn>).

những người phụ nữ của bản trước đây chưa bao giờ mang sản phẩm của bản đi bán ở ngoài, đã mạnh dạn đưa sản phẩm này xuống Hà Nội dự hội chợ triển lãm. Không dừng lại ở đó, họ còn tham dự khoá học tổ chức sản xuất kinh doanh và thiết kế mẫu mã mới phù hợp với thị hiếu hiện đại rồi trở về lập Hợp tác xã sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống. Đến nay, họ đã giữ được nghề và làm giàu bằng chính nghề truyền thống. Qua đó, nghề dệt, nhuộm màu truyền thống của họ không những được khôi phục, bảo tồn mà còn tạo ra bước phát triển mới. Tất nhiên, có lẽ đây chỉ là một trong nhiều giải pháp bảo tồn các nghề thủ công truyền thống.

Trở lại vấn đề cải tiến mẫu mã sản phẩm thủ công truyền thống, chúng ta nên hiểu mẫu mã sản phẩm được sáng tạo trên cơ sở chất liệu, kỹ thuật, hoa văn truyền thống... Chủ thể văn hóa cần giữ được cái truyền thống nhưng không phải giữ nó trên váy, trên áo, trên những sản phẩm truyền thống, mà phải làm cho nó xuất hiện trên những sản phẩm hiện đại, thích ứng với cuộc sống đương đại, nhưng được làm từ kỹ thuật, chất liệu truyền thống. Làm được điều này chính là đã kết nối được truyền thống với hiện đại, kết nối giữa cái cần bảo tồn và phát triển. Đó cũng là một cách “đánh thức” di sản thủ công truyền thống, biến chúng thành tài sản để kích thích người dân tiếp tục giữ gìn.

#### 4. Thay lời kết luận

Như chúng ta biết, văn hóa nói chung, di sản văn hóa phi vật thể nghề thủ công truyền thống của các tộc người nói riêng, không phải là cái bất biến, mà luôn luôn vận động, biến đổi. Đây chính là xu thế tất yếu của mọi loại hình di sản văn hóa. Việt Nam là đất nước đa tộc người, đa văn hóa. Trong di sản văn hóa của các tộc người, di

sản nghề thủ công truyền thống cũng hết sức đa dạng và hiện đang trong trạng thái phát triển không giống nhau. Do vậy, để bảo tồn nghề thủ công truyền thống của các tộc người, chúng ta không nên có một công thức chung duy nhất phổ biến cho mọi tộc người, mọi nơi về bảo tồn và phát huy các di sản nghề thủ công truyền thống. Chúng ta cũng không nên dập khuôn theo bất cứ một mô hình có sẵn nào, bởi một mô hình áp dụng trong một bối cảnh địa phương, tộc người cụ thể thì có thể rất thành công, nhưng khi nó đã được biến thành *điển hình* và khuyến nghị *nhân rộng* vào những hoàn cảnh khác nhau thì có thể sẽ đem lại những kết quả trái ngược, nên phải rất thận trọng, tránh sự khiên cưỡng. Nói một cách khác, phương án hợp lý dẫn đến thành công về bảo tồn bản sắc và sự đa dạng văn hóa cần phải được dựa trên bối cảnh cụ thể và do chính những người dân tự lựa chọn, quyết định. Đối với nghề thủ công truyền thống của các tộc người hiện nay, theo chúng tôi, cách thức bảo tồn hữu hiệu chính là bảo tồn động; nhà nước và các thiết chế văn hóa tạo điều kiện cho người dân bảo tồn nghề thủ công truyền thống ngay tại cộng đồng, trong môi trường sản sinh, tích hợp và phát triển văn hóa, với tinh thần cốt lõi là bảo tồn bởi cộng đồng - chủ thể văn hóa, gắn bảo tồn với phát huy giá trị, lợi thế của nghề thủ công truyền thống trong cuộc sống đương đại, đúng như tinh thần mà UNESCO đã nêu: “di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó kích lệ thêm sự tôn trọng

đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người” (Khoản 1 Điều 2 Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (UNESCO, 2003)). □

**Tài liệu tham khảo**

1. [www.craftlink.com.vn/vn](http://www.craftlink.com.vn/vn), truy cập ngày 30/7/2017.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. UNESCO (2003), Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 30/7/2017.
4. Tổng cục Thống kê (2017), *Thông cáo báo chí Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2017*, <http://www.gso.gov.vn>, truy cập ngày 30/7/2017.
5. Lâm Bá Nam (1989), “Mấy ý kiến về nghề thủ công cổ truyền ở nước ta”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1, tr. 69-73.
6. Dương Bá Phụng (2001), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ngô Đức Thịnh (1989), “Phục hồi và phát triển tiểu thủ công nghiệp trong các dân tộc thiểu số Miền núi phía Bắc nước ta”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1+2, tr. 68-74.